BỘ TÀI CHÍNH

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 184/2012/TT-BTC

Hà Nội, ngày 25 tháng 10 năm 2012

THÔNG TƯ
Hướng dẫn một số nội dung của Quy chế quản lý và sử dụng Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp ban hành kèm theo Quyết định số 21/2012/QĐ-TTg ngày 10/5/2012 của Thủ tướng Chính phủ

Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2008 của Chính phủ về quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 109/2008/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2008 của Chính phủ về bán, giao doanh nghiệp 100% vốn nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 25/2010/NĐ-CP ngày 19 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ về chuyển đổi công ty nhà nước thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên và tổ chức quản lý công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước làm chủ sở hữu;

Căn cứ Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;

Căn cứ Quyết định số 21/2012/QĐ-TTg ngày 10 tháng 5 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Tài chính doanh nghiệp;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn một số nội dung của Quy chế quản lý và sử dụng Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp ban hành kèm theo Quyết định số 21/2012/QĐ-TTg ngày 10 tháng 5 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Thông tư này hướng dẫn một số nội dung của Quy chế quản lý và sử dụng Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp ban hành kèm theo Quyết định số 21/2012/QĐ-TTg ngày 10/5/2012 của Thủ tướng Chính phủ (sau đây gọi tắt là Quy chế quản lý Quỹ).

2. Đối tượng áp dụng Thông tư này là Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp (trong một số trường hợp tại Thông tư này được gọi là Quỹ), các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân quy định tại Điều 2 Quy chế quản lý Quỹ.

Điều 2. Nguồn thu của Quỹ

Nguồn thu của Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp thực hiện theo quy định tại Điều 3 Quy chế quản lý Quỹ và một số nội dung quy định cụ thể như sau:

1. Nguồn thu từ các hình thức sắp xếp chuyển đổi khác quy định tại khoản 2 Điều 3 Quy chế quản lý Quỹ xác định theo quy định của pháp luật đối với từng hình thức chuyển đổi doanh nghiệp 100% vốn nhà nước, bao gồm cả tiền thu từ thanh lý nhượng bán tài sản, thu hồi công nợ sau khi trừ đi các khoản chi phí liên quan đến hoạt động sắp xếp, chi phí giải quyết chính sách đối với người lao động dôi dư, chi thanh toán công nợ (nếu còn).

Cơ quan có thẩm quyền quyết định phê duyệt hình thức sắp xếp chuyển đổi khác đối với doanh nghiệp 100% vốn nhà nước có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước (sau đây gọi tắt là SCIC) để theo dõi, tổng hợp các khoản thu này trong phạm vi 05 ngày làm việc kể từ ngày quyết định.

2. Các khoản thu khác theo quy định tại khoản 7 Điều 3 Quy chế quản lý Quỹ gồm:

a) Khoản tiền phạt chậm nộp theo quy định tại khoản 3 Điều 4 Quy chế quản lý Quỹ.

b) Khoản viện trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước cho công tác sắp xếp, tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước (nếu có).

c) Ngân sách nhà nước bổ sung (nếu có).

d) Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật (nếu có).

3. SCIC thực hiện theo dõi, hạch toán, tổng hợp kịp thời, đầy đủ các nguồn thu về Quỹ khi có phát sinh và tổng hợp báo cáo quyết toán Quỹ hàng năm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 và Điều 34 Quy chế quản lý Quỹ.

Điều 3. Xác định khoản chênh lệch vốn chủ sở hữu lớn hơn vốn điều lệ của các doanh nghiệp 100% vốn sở hữu nhà nước đã được chủ sở hữu phê duyệt

1. Nguyên tắc xác định

Việc xác định khoản chênh lệch vốn chủ sở hữu lớn hơn vốn điều lệ của các doanh nghiệp 100% vốn sở hữu nhà nước đã được chủ sở hữu phê duyệt (không bao gồm các công ty con là các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do công ty mẹ mà Nhà nước sở hữu 100% vốn đầu tư toàn bộ vốn điều lệ hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con) quy định tại khoản 5 Điều 3 Quy chế quản lý Quỹ được thực hiện trên các nguyên tắc sau:

a) Tập trung nguồn thu để quản lý, sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp.

b) Việc điều chuyển nguồn thu này về Quỹ không gây ảnh hưởng xấu đến việc thực hiện các nhiệm vụ đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt giao cho doanh nghiệp thực hiện.

2. Phương thức xác định

Khoản chênh lệch vốn chủ sở hữu lớn hơn vốn điều lệ của các doanh nghiệp 100% vốn sở hữu nhà nước đã được chủ sở hữu phê duyệt quy định tại khoản 5 Điều 3 Quy chế quản lý Quỹ được xác định như sau:

$$\text{Số phải nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp} = \text{Nguồn vốn chủ sở hữu theo báo cáo tài chính năm} - \left\{ \text{Vốn điều lệ đã được chủ sở hữu phê duyệt tại thời điểm gần nhất} + \text{Vốn thực hiện các nhiệm vụ được chủ sở hữu phê duyệt bổ sung nhưng chưa quyết định điều chỉnh vốn điều lệ} \right\}$$

Trong đó:

a) Nguồn vốn chủ sở hữu theo báo cáo tài chính năm được xác định bao gồm: Nguồn vốn đầu tư của chủ sở hữu - tài khoản 411, Quỹ đầu tư phát triển - tài khoản 414 và Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản - tài khoản 441 quy định tại Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp.

b) Việc tính toán xác định chỉ tiêu nguồn vốn chủ sở hữu theo báo cáo tài chính năm nêu trên được căn cứ trên cơ sở báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán và doanh nghiệp đã thực hiện phân phối lợi nhuận sau thuế theo đúng chế độ quy định.

c) Báo cáo tài chính năm làm cơ sở tính toán nêu trên là báo cáo tài chính của doanh nghiệp 100% vốn sở hữu nhà nước được lập theo chế độ quy định, không sử dụng báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính tổng hợp để tính toán. Trường hợp doanh nghiệp đã có kết luận kiểm tra, thanh tra, kiểm toán của các cơ quan liên quan ảnh hưởng đến báo cáo tài chính năm thì doanh nghiệp có trách nhiệm báo cáo giải trình cụ thể các yếu tố tác động khi tính toán theo hướng dẫn trên.

d) Vốn thực hiện các nhiệm vụ được chủ sở hữu phê duyệt bổ sung nhưng chưa quyết định điều chỉnh vốn điều lệ được xác định căn cứ vào tổng mức vốn đầu tư của chủ sở hữu tại các dự án đầu tư thuộc ngành nghề kinh doanh chính đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt giao cho doanh nghiệp thực hiện tính đến thời điểm tính toán, xác định nhưng chưa điều chỉnh bổ sung vốn điều lệ.

3. Trình tự, thủ tục

a) Trong thời hạn lập kế hoạch ngân sách hàng năm theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ tổng hợp, xây dựng kế hoạch thu, chi Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp tại doanh nghiệp (trong đó có việc tính toán xác định số phải nộp về Quỹ theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Thông tư này) gửi Bộ Tài chính, cơ quan được phân công, phân cấp thực hiện quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu nhà nước đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu (Bộ quản lý ngành kinh doanh chính, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).

b) Bộ Tài chính chủ trì phối hợp với Bộ quản lý ngành kinh doanh chính, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức kiểm tra, rà soát, xác định số phải nộp về Quỹ quy định tại khoản 2 Điều 3 Thông tư này.

c) Căn cứ kết quả kiểm tra, rà soát, xác định số phải nộp về Quỹ quy định tại khoản 2 Điều 3 Thông tư này và kế hoạch thu, chi Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp do SCIC báo cáo theo quy định tại khoản 7 Điều 34 Quy chế quản lý Quỹ, Bộ Tài chính tổng hợp trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

d) Căn cứ vào quyết định của Thủ tướng Chính phủ liên quan đến số phải nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Thông tư này, trong phạm vi 05 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định, Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Ban quản lý điều hành tại các doanh nghiệp có trách nhiệm chuyển tiền về tài khoản của Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp.

Sau thời hạn này, nếu phát sinh số tiền chậm nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp, doanh nghiệp phải chịu nộp lãi phạt chậm nộp và chế tài xử lý theo quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 4 Quy chế quản lý Quỹ.

Điều 4. Gửi tiền của Quỹ

1. Nguyên tắc gửi tiền của Quỹ

SCIC chịu trách nhiệm trước pháp luật và Bộ Tài chính về việc gửi tiền của Quỹ theo các nguyên tắc sau:

a) Đảm bảo an toàn của tiền gửi của Quỹ tại các ngân hàng thương mại. Các ngân hàng thương mại được lựa chọn mở tài khoản tiền gửi của Quỹ là các ngân hàng thương mại có quy mô lớn và có tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động ngân hàng theo quy định của pháp luật hiện hành.

b) Đảm bảo sử dụng linh hoạt, có hiệu quả nguồn tiền nhàn rỗi của Quỹ.

c) Đảm bảo đáp ứng kịp thời nhu cầu chi Quỹ theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

2. Định kỳ hàng năm cùng với thời điểm xây dựng kế hoạch thu, chi Quỹ, căn cứ vào các nguyên tắc tại khoản 1 Điều 4 Thông tư này, SCIC lập kế hoạch gửi

tiền của Quỹ báo cáo Hội đồng thành viên SCIC xem xét, có ý kiến trước khi thực hiện cơ cấu lại các khoản tiền gửi của Quỹ tại các ngân hàng thương mại.

3. Định kỳ hàng quý hoặc khi có yêu cầu của Bộ Tài chính, SCIC có trách nhiệm báo cáo Bộ Tài chính về số dư và các khoản lãi tiền gửi tại các tổ chức nơi Quỹ mở tài khoản (kèm theo xác nhận của tổ chức nơi Quỹ mở tài khoản).

4. Hàng năm, SCIC có trách nhiệm tổng hợp báo cáo khoản lãi tiền gửi của Quỹ quy định tại khoản 6 Điều 3 Quy chế quản lý Quỹ cùng với việc lập và gửi báo cáo quyết toán Quỹ theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Quy chế quản lý Quỹ.

Điều 5. Xác định khoản thu từ cổ phần hóa doanh nghiệp 100% vốn sở hữu nhà nước nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp

Việc xác định khoản tiền thu từ cổ phần hóa quy định tại khoản 1 Điều 3 Quy chế quản lý Quỹ và các quy định của pháp luật về chuyển doanh nghiệp 100% vốn sở hữu nhà nước thành công ty cổ phần, cụ thể như sau:

1. Xác định số tiền thu từ bán cổ phần lần đầu nộp về Quỹ

a) Kết thúc quá trình bán cổ phần lần đầu theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt, căn cứ kết quả xác định số tiền thực thu từ bán cổ phần lần đầu và số tiền được để lại doanh nghiệp theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt do Ban chỉ đạo cổ phần hóa doanh nghiệp xác định, doanh nghiệp thực hiện chuyển tiền thu từ bán cổ phần từ tài khoản phong tỏa về Quỹ theo đúng thời gian quy định.

b) Trường hợp chậm nộp số tiền thu từ bán cổ phần lần đầu, doanh nghiệp sẽ phải nộp lãi chậm nộp theo quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 4 Quy chế quản lý Quỹ .

2. Xác định số tiền thu từ cổ phần hóa tại thời điểm doanh nghiệp chính thức chuyển thành công ty cổ phần nộp về Quỹ

a) Căn cứ báo cáo tài chính tại thời điểm doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần và hướng dẫn xử lý tài chính tại thời điểm doanh nghiệp chính thức chuyển thành công ty cổ phần, doanh nghiệp có trách nhiệm tự xác định khoản chênh lệch tăng giữa giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại thời điểm doanh nghiệp chính thức chuyển sang công ty cổ phần với giá trị phần vốn nhà nước tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp. Trong thời hạn 45 ngày làm việc kể từ thời điểm được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu, doanh nghiệp phải thực hiện tạm nộp khoản chênh lệch tăng đã tự xác định về Quỹ.

b) Căn cứ kết quả xác định lại giá trị phần vốn nhà nước tại thời điểm đăng ký doanh nghiệp của cơ quan có thẩm quyền, trong phạm vi 05 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định của cấp có thẩm quyền, doanh nghiệp có trách nhiệm nộp tiếp

khoản chênh lệch tăng thêm so với số đã nộp xác định tại điểm a khoản 2 Điều 5 Thông tư này (nếu có) về Quỹ.

c) Trường hợp số tiền phải nộp về Quỹ xác định theo kết quả xác định lại giá trị phần vốn nhà nước tại thời điểm đăng ký doanh nghiệp của cơ quan có thẩm quyền thấp hơn số doanh nghiệp tự xác định và đã nộp theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 5 Thông tư này thì doanh nghiệp có công văn gửi Bộ Tài chính yêu cầu hoàn trả số tiền nộp thừa về Quỹ.

Căn cứ văn bản đề nghị của doanh nghiệp và các tài liệu liên quan (Chứng từ chứng minh số tiền doanh nghiệp đã nộp tiền về Quỹ; Quyết định phê duyệt quyết toán xác định lại giá trị phần vốn nhà nước tại thời điểm đăng ký doanh nghiệp của cơ quan có thẩm quyền), Bộ Tài chính ra quyết định xuất Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp hoàn trả số tiền doanh nghiệp đã nộp thừa về Quỹ trong thời hạn 05 ngày làm việc. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, sau khi nhận được quyết định xuất Quỹ của Bộ Tài chính, SCIC có trách nhiệm chuyển tiền hoàn trả cho doanh nghiệp.

d) Trường hợp chậm nộp số tiền thu từ cổ phần hóa tại thời điểm doanh nghiệp chính thức chuyển thành công ty cổ phần về Quỹ theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Thông tư này, doanh nghiệp sẽ phải nộp lãi chậm nộp theo quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 4 Quy chế quản lý Quỹ và Điều 6 Thông tư này .

3. Trường hợp căn cứ báo cáo tài chính tại thời điểm doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần, doanh nghiệp xác định có phát sinh chênh lệch giảm giữa giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại thời điểm doanh nghiệp chính thức chuyển sang công ty cổ phần với giá trị phần vốn nhà nước tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp thì doanh nghiệp chủ động báo cáo cơ quan có thẩm quyền xem xét, xử lý chênh lệch giảm giá trị vốn nhà nước tại thời điểm doanh nghiệp chính thức chuyển thành công ty cổ phần theo quy định.

Điều 6. Xác định lãi suất đối với các khoản thu chậm nộp về Quỹ

Việc xác định lãi suất đối với các khoản thu chậm nộp về Quỹ thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 4 Quy chế quản lý Quỹ và một số nội dung quy định cụ thể như sau:

1. Trường hợp chậm nộp trong vòng 03 tháng, lãi suất sử dụng để tính lãi đối với khoản thu chậm nộp về Quỹ do SCIC xác định là lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm gần nhất cho số tiền và thời gian chậm nộp.

Mức lãi suất xác định đối với các khoản thu chậm nộp về Quỹ được SCIC xác định hàng tháng để tính toán áp dụng cho thời gian chậm nộp, số tiền chậm nộp và công bố công khai trên địa chỉ website của SCIC (www.scic.vn).

2. Lãi suất tiền vay quá hạn cho số tiền chậm nộp của thời gian quá hạn sau 03 tháng được xác định bằng 150% mức lãi suất tính toán tại khoản 1 Điều 6 Thông tư này.

3. Hàng tháng, SCIC có văn bản đề nghị các Bộ, địa phương cung cấp danh sách các doanh nghiệp có khoản thu phải nộp về Quỹ để hướng dẫn, đôn đốc các doanh nghiệp và người đại diện có ý kiến yêu cầu doanh nghiệp nộp tiền về Quỹ theo quy định.

Trường hợp doanh nghiệp chưa nộp, SCIC có văn bản thông báo khoản phải nộp cho doanh nghiệp (bao gồm cả khoản lãi chậm nộp - nếu có); đồng thời gửi các Bộ, địa phương biết để chỉ đạo người đại diện phối hợp với các doanh nghiệp thực hiện nộp các khoản thu và khoản lãi chậm nộp về Quỹ theo quy định tại Quy chế quản lý Quỹ và hướng dẫn tại Thông tư này.

Điều 7. Thực hiện đầu tư vốn từ Quỹ vào các dự án hoặc doanh nghiệp

1. Việc bổ sung vốn điều lệ cho các Công ty mẹ của Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước, doanh nghiệp 100% vốn sở hữu nhà nước quy định tại khoản 3 Điều 5 Quy chế quản lý Quỹ thực hiện theo quy định tại mục 3 Phần IV Quy chế quản lý Quỹ. Đối tượng doanh nghiệp thực hiện bổ sung vốn điều lệ theo quy định tại Điều 16 Quy chế quản lý Quỹ và các nội dung cụ thể như sau:

a) Các doanh nghiệp thuộc diện Nhà nước cần nắm giữ 100% vốn điều lệ theo tiêu chí, danh mục phân loại doanh nghiệp nhà nước do Thủ tướng Chính phủ quyết định trong từng thời kỳ nhưng chưa được Nhà nước đầu tư đủ vốn điều lệ.

b) Trong một số trường hợp đặc biệt nằm ngoài đối tượng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 7 Thông tư này, Bộ quản lý ngành kinh doanh chính, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo Bộ Tài chính để tổng hợp trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

c) Hàng năm, căn cứ vào khả năng nguồn vốn và nhu cầu bổ sung vốn đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận, Bộ Tài chính thực hiện cân đối, xác định số vốn đầu tư từ Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp để bổ sung vốn điều lệ cho các đối tượng doanh nghiệp nêu tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 7 Thông tư này theo thứ tự ưu tiên như sau:

- Các doanh nghiệp hoạt động kinh doanh cung ứng các sản phẩm, dịch vụ công ích và an ninh, quốc phòng.

- Các doanh nghiệp do Thủ tướng Chính phủ thành lập, các doanh nghiệp thuộc các Bộ quản lý ngành kinh doanh chính, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chấp hành nghiêm túc các quy định trong việc quản lý, sử dụng vốn nhà nước và thu nộp ngân sách nhà nước, đặc biệt là việc đôn đốc thu nộp, chấp hành chế độ báo cáo, quyết toán nguồn kinh phí đã tiếp nhận từ Quỹ và việc điều chuyển vốn từ các doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý.

2. Việc đầu tư bổ sung vốn để duy trì hoặc tăng tỷ lệ vốn nhà nước đang tham gia tại các doanh nghiệp khác quy định tại khoản 4 Điều 5 Quy chế quản lý Quỹ và việc đầu tư vào các dự án quan trọng theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định tại khoản 5 Điều 5 Quy chế quản lý Quỹ được thực hiện theo quy định tại mục 4 Phần IV Quy chế quản lý Quỹ và các nội dung cụ thể như sau:

a) Các doanh nghiệp thuộc đối tượng quy định tại Điều 18 Quy chế quản lý Quỹ bao gồm:

- Các doanh nghiệp hoạt động kinh doanh cung ứng các sản phẩm, dịch vụ công ích, an ninh, quốc phòng.

- Các doanh nghiệp hoạt động kinh doanh có ảnh hưởng lớn đến sự phát triển kinh tế ngành, lãnh thổ và thuộc diện Nhà nước cần nắm giữ cổ phần chi phối theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ trong từng thời kỳ.

b) Trong một số trường hợp đặc biệt, Bộ quản lý ngành kinh doanh chính, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo Bộ Tài chính thẩm định, tổng hợp trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định đối tượng và mức hỗ trợ vốn từ Quỹ đầu tư vào dự án và doanh nghiệp cho phù hợp với tình hình thực tiễn và khả năng cân đối nguồn Quỹ.

Điều 8. Trách nhiệm của SCIC trong việc tổ chức quản lý Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp

Ngoài các nội dung quy định trong Quy chế quản lý Quỹ, SCIC còn có trách nhiệm:

1. Kiểm tra, đôn đốc việc thu nộp, lưu trữ, báo cáo và cung cấp kịp thời theo yêu cầu của các cơ quan quản lý nhà nước các văn bản hồ sơ tài liệu liên quan đến công tác quản lý Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp.

SCIC hạch toán theo dõi riêng khoản thu từ lãi tiền gửi của Quỹ tại các ngân hàng thương mại hoặc Kho bạc nhà nước.

2. Chấp hành các quyết định, văn bản chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính trong công tác quản lý Quỹ.

3. Kịp thời báo cáo, đề xuất các giải pháp xử lý các khoản thu, chi Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp theo quy định.

4. Trên cơ sở báo cáo quyết toán kinh phí hỗ trợ lao động dôi dư đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, SCIC chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức rà soát và kiểm tra quyết toán kinh phí giải quyết chế độ lao động dôi dư tại các đơn vị được Quỹ hỗ trợ kinh phí theo quy định.

Kết quả kiểm tra quyết toán kinh phí giải quyết chế độ lao động dôi dư tại các đơn vị được Quỹ hỗ trợ kinh phí theo quy định được tổng hợp, báo cáo Bộ

Tài chính cùng với báo cáo Quỹ hàng năm theo quy định tại Điều 26 Quy chế quản lý Quỹ.

5. Đảm bảo nguồn kinh phí cho tổ chức bộ máy hoạt động quản lý Quỹ trong tổng chi phí hoạt động hàng năm của SCIC theo quy định.

Điều 9. Điều khoản chuyển tiếp

Xử lý đối với các trường hợp chậm nộp tiền thu về Quỹ trước ngày 01 tháng 7 năm 2012 (thời điểm Quyết định số 21/2012/QĐ-TTg ngày 10 tháng 5 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp có hiệu lực thi hành) như sau:

1. Đối với các doanh nghiệp mà SCIC đã tiếp nhận chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu vốn, SCIC chỉ đạo người đại diện phối hợp với các doanh nghiệp có khoản thu chậm nộp về Quỹ tính toán, tổng hợp và thực hiện nộp các khoản thu và khoản lãi chậm nộp về Quỹ theo quy định tại Quy chế quản lý Quỹ và hướng dẫn tại Thông tư này.

Trường hợp vì những lý do khách quan dẫn đến chậm nộp thì SCIC tổng hợp, báo cáo Bộ Tài chính để báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định việc xác định khoản lãi chậm nộp.

2. Đối với các doanh nghiệp do các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi tắt là Bộ, địa phương) được giao thực hiện quyền đại diện chủ sở hữu vốn (chưa bàn giao về SCIC):

a) SCIC gửi văn bản đề nghị các Bộ, địa phương cung cấp danh sách các doanh nghiệp có khoản thu chậm nộp về Quỹ. Trong trường hợp đã có các thông tin liên quan đến khoản chậm nộp về Quỹ thì SCIC thông báo (bao gồm cả khoản lãi chậm nộp) để các Bộ, địa phương biết, kịp thời chỉ đạo người đại diện phối hợp với các doanh nghiệp thực hiện nộp các khoản thu về Quỹ theo quy định tại Quy chế quản lý Quỹ và hướng dẫn tại Thông tư này.

b) Các Bộ, địa phương có trách nhiệm chỉ đạo người đại diện phối hợp với các doanh nghiệp thực hiện nộp các khoản thu và khoản lãi chậm nộp về Quỹ theo quy định tại Quy chế quản lý Quỹ và hướng dẫn tại Thông tư này. Người đại diện có trách nhiệm báo cáo SCIC tình hình thu nộp của doanh nghiệp được giao nhiệm vụ đại diện chủ sở hữu vốn. SCIC tổng hợp, báo cáo Bộ Tài chính và các Bộ, địa phương biết để theo dõi, kiểm tra. Trường hợp người đại diện không tuân thủ việc báo cáo và chỉ đạo doanh nghiệp nộp các khoản thu theo quy định thì SCIC có văn bản báo cáo các Bộ, địa phương để xem xét và xử lý trách nhiệm đối với người đại diện và gửi Bộ Tài chính để thực hiện cưỡng chế thu nộp theo quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 4 Quy chế quản lý Quỹ.

Căn cứ báo cáo của các Bộ, địa phương về khoản thu phải nộp về Quỹ của từng doanh nghiệp, SCIC tổ chức hạch toán theo dõi kịp thời các khoản thu này.

Trường hợp vì những lý do khách quan dẫn đến chậm nộp thì người đại diện báo cáo Bộ, địa phương có ý kiến gửi Bộ Tài chính để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định việc xác định khoản lãi chậm nộp.

Điều 10. Tổ chức thực hiện

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 12 năm 2012.

2. Để thực hiện áp dụng biện pháp cưỡng chế trích tiền từ tài khoản về Quỹ theo quy định đối với các doanh nghiệp chậm nộp, giao Tổng cục trưởng Tổng cục thuế chỉ đạo, hướng dẫn Cục thuế các địa phương có trách nhiệm cung cấp kịp thời bằng văn bản thông tin về ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng nơi doanh nghiệp đang mở tài khoản giao dịch trên cơ sở đề nghị bằng văn bản của SCIC.

3. Cục trưởng Cục Tài chính doanh nghiệp, Tổng giám đốc Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

4. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các đơn vị phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để có hướng dẫn xử lý./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Trần Văn Hiếu